TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2022/DS-ST.
Ngày: 26/4/2022
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hoàng Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Thắng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên toà: Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 06 năm 2021 về việc: "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST- DS ngày 24/02/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 07A, ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phùng Thị Ph (còn gọi là M) sinh năm: 1979 .

Địa chỉ: thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thanh K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 85, Đặng Trần C, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt) - Theo giấy ủy quyền ngày 01 tháng 6 năm 2021.

+ Bị đơn: Ông Bùi Thế Th, sinh năm 1965 (có mặt)

Bà Hoàng Thị Nh, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh K trình bày:

Vào ngày 28 tháng 11 năm 2017, bà Phùng Thị Ph (tên thường gọi là M) có cho vợ chồng ông Bùi Thế Th và bà Hoàng Thị Nh vay số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), ông Th là người trực tiếp nhận tiền, viết giấy vay tiền mặt và trực tiếp ký vào giấy vay. Về lãi suất hai bên chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 1%/ tháng nhưng không được ghi vào hợp đồng, thời hạn trả nợ vào ngày tháng 12 năm 2018. Đã quá hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông Th, bà Nh chưa trả được khoản nợ gốc và lãi nào. Vì vậy bà Ph khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Th, bà Nh phải trả cho bà Ph số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) tiền vay gốc và khoản lãi suất tính từ ngày vay đến ngày xét xử theo mức 10%/ năm, yêu cầu tiếp tục tính lãi suất chậm trả từ ngày xét xử đến ngày trả xong tiền vay gốc theo quy định của pháp luật.

Về tài sản thế chấp: Tại thời điểm vay không thế chấp tài sản. Tuy nhiên đến khoảng tháng 12 năm 2018 vợ chồng ông Th và bà Nh có gửi cho bà Ph 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 65333 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Bùi Thế Th, bà Hoàng Thị Nh ngày 13/02/2018 với mục đích đảm bảo cho khoản vay nói trên. Vì vậy, sau khi vợ chồng ông Th trả xong nợ thì bà Ph có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho vợ chồng ông Th, bà Nh.

Tại bản tự khai ngày 21/01/2022, bị đơn ông Bùi Thế Th trình bày thống nhất như lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về thời điểm vay, số tiền vay, thời hạn vay và tài sản thế chấp và ông Th thừa nhận đến nay chưa trả cho bà Ph được khoản nào kể cả gốc và lãi. Về lãi suất hai bên có thỏa thuận lãi suất theo tháng nhưng không thỏa thuận cụ thể. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Th cho rằng nguồn gốc của số tiền 420.000.000 đồng xuất phát từ việc năm 2016 ông có vay của bà Ph số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Đến ngày 28/11/2017 bà Ph cộng thêm cả tiền lãi chưa trả thành số tiền nợ 420.000.000 đồng. Tuy nhiên ông không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về nguồn gốc số nợ nói trên nên ông chấp nhận trả cho bà Ph 420.000.000 đồng tiền vay gốc và một khoản lãi suất như yêu cầu của bà Ph. Nhưng vì điều kiện khó khăn nên ông Th xin được trả dần và yêu cầu bà Ph trả lại cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Ph đang giữ của ông.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Hoàng Thị Nh trình bày: Ngày 28 tháng 11 năm 2017 chồng bà là ông Bùi Thế Th có vay của bà Ph số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng), khi ông Th vay số tiền nói trên thì bà không biết đồng thời cũng không sử dụng số tiền vay này. Đến đầu năm 2018 khi bà tìm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng thì mới biết ông Th đã thế chấp cho bà Ph để vay tiền. Theo yêu cầu của bà Ph nên bà có viết giấy giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO065333 cho bà Ph. Nay bà Ph khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả nợ thì bà đồng ý cùng ông Th có nghĩa vụ

trả nợ cho bà Ph. Tuy nhiên do hoàn ảnh khó khăn nên bà đề nghị bà Ph tạo điều kiện cho vợ chồng bà được trả dần số nợ trên, đồng thời yêu cầu bà Ph trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà vay tiền trả nợ cho bà Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình trong qua trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị Ph. Buộc bà ông Bùi Thế Th, bà Hoàng Thị Nh trả cho bà Phùng Thị Ph 420.000.000 đồng tiền vay gốc và một khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/ năm từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà Phùng Thị Ph có nghĩa vụ trả cho ông Th, bà Nh 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 65333 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Bùi Thế Thu, bà Hoàng Thị Nh ngày 13/02/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Phùng Thị Ph khởi kiện yêu cầu ông Bùi Thế Th và bà Hoàng Thị Nh trả 420.000.000 đồng tiền vay gốc và một khoản tiền lãi phát sinh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bị đơn cư trú tại huyện K, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền nợ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Bùi Thế Th thừa nhận có nợ của bà Ph số tiền 420.000.000 đồng tiền vay gốc. Nhưng do điều kiện khó khăn nên từ ngày vay đến nay, ông chưa thanh toán cho bà Ph được khoản nào, nay xin trả dần số tiền này, nhưng không được bà Ph chấp nhận. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật, không cần phải chứng minh.

Xét thấy từ ngày vay đến nay, vợ chồng ông Bùi Thế Th chưa thanh toán cho bà Phùng Thị Ph được khoản tiền vay gốc nào là thực tế. Như vậy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của bộ luật dân sự. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Bùi Thế Th có nghĩa vụ trả cho bà Phùng Thị Ph số tiền nợ gốc 420.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2]. Xét yêu cầu về tiền lãi: Tại giấy vay tiền đề ngày 28/11/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bên đương sự đều thừa nhận có thỏa Thận về việc trả lãi hàng tháng nhưng không xác định mức lãi cụ thể. Bà Phùng Thị Ph yêu cầu vợ chồng ông Th, bà Nh chịu lãi suất theo quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 468 để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn một khoản lãi suất phát sinh theo mức lãi suất 10%/ năm từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau: Từ ngày 28/11/2017 đến ngày 26/4/2022 là 1611 ngày x 420.000.000 đồng x 10%: 365 ngày = 185.375.000 đồng.

[2.3]. Về nghĩa vụ trả nợ của bà Hoàng Thị Nh:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Nh cho rằng một mình chồng bà là ông Bùi Thế Th vay tiền của bà Ph, bà không biết và không sử dụng số tiền nói trên. Tuy nhiên bà là người trực tiếp viết giấy giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ph. Hiện nay bà Ph yêu cầu bà Nh có trách nhiệm cùng ông Th trả số nợ trên thì bà đồng ý cùng ông Th trả nợ cho bà Ph. Vì vậy buộc vợ chồng ông Bùi Thế Th và bà Hoàng Thị Nh có nghĩa vụ trả cho bà Phùng Thị Ph số tiền 605.375.000 đồng (Sáu trăm lẽ năm triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền vay gốc 420.000.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 26/4/2022 là 185.375.000 đồng là có căn cứ.

Kể từ ngày 27/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Th, bà Nh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản thế chấp: Các đương sự đều thừa nhận bà Hoàng Thị Nh, ông Bùi Thế Th có giao cho bà Phùng Thị Ph 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số số BO 65333 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp cho ông Bùi Thế Nhu, bà Hoàng Thị Nh ngày 13/02/2018 với mục đích đảm bảo khoản vay nói trên. Tuy nhiên các bên không làm thủ tục công chứng và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th và bà Nh yêu cầu bà Ph trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Vì vậy cần buộc bà Phùng Thị Ph trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho ông Bùi Thế Th và bà Hoàng Thị Nh là phù hợp.

[4] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ngày 9 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với một phần diện tích đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 065333, thửa đất số 52, tờ bản đồ số 56 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 13/02/2018 mang tên ông Bùi Thế Th và bà Hoàng Thị Nh. Vì vậy, cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 07/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 9 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" là có cơ sở.

[5] Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Bùi Thế Th, bà Hoàng Thị Nh phải chịu: 28.215.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (mỗi người phải chịu 14.107.500 đồng). Tuy nhiên bà Hoàng Thị Nh là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và bà Nh có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bùi Thế Th phải chịu 14.107.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Phùng Thị Ph được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị Ph.

1. Buộc vợ chồng ông Bùi Thế Th và bà Hoàng Thị Nh có nghĩa vụ trả cho bà Phùng Thị Ph số tiền 605.375.000 đồng (Sáu trăm lẽ năm triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Trong đó tiền vay gốc 420.000.000 đồng, tiền lãi suất tính đến ngày 26/4/2022 là 185.375.000 đồng.

Kể từ ngày 27/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Th, bà Nh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bà Phùng Thị Ph có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Bùi Thế Th, bà Hoàng Thị Nh 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 065333, tại thử đất số 52, tờ bản đồ số 56, địa chỉ thôn 3, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk do UBND huyện K cấp cho ông Bùi Thế Th, bà Hoàng Thị Nh ngày 13/02//2018.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 07/2021/QĐ-BPKCTT, ngày 9 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ".

3. Về án phí: ông Bùi Thế Th phải chịu 14.107.500 đồng (mười bốn triệu không trăm lẽ bảy ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Hoàng Thị Nh được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Phùng Thị Ph số tiền tạm ứng án phí 11.928.000 đồng đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0005388, ngày 31/5/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phùng Thị Ph, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh K, bị đơn ông Bùi Thế Th, bà Hoàng Thị Nh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục T.H.A DS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long